TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 02 - 2023
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Văn Công Trọn
Bà Lưu Xông Pha

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 799/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Ngọc L Út), sinh năm 1987
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)
- *Bị đơn:* Cao Hoàng B, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2022 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân:Tôi và anh B kết hôn với nhau vào ngày 13.10.2010; khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau, giấy đăng ký kết hôn số 93 ngày 13.10.2010. Quá trình chung sống có 1 con chung: Cao Nhật H, sinh ngày 14.01.2011, con hiện nay đang ở cùng gia đình

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và củng không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẩn: Do bất đồng quan điểm, sống không hợp, thường xuyên cải nhau, vợ chồng sống ly thân khoản 2 tháng nay.

Nay xét thấy không hạnh phúc yêu cầu được ly hôn với anh B; về con chung có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản

chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Cao Hoàng B trình bày:

Tôi và L kết hôn với nhau vào ngày 13.10.2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Quá trình chung sống có 1 con chung như Lành trình bày là đúng; Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai.

Nguyên nhân mâu thuẩn: Là do vợ chồng thường hay cải nhau về chuyện làm ăn trong gia đình. Nay tôi không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con nên muốn hàng gắn trở lại.

Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì con có nguyện vọng theo ai người đó nuôi, tôi có trách nhiệm lo cho con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh B trình bày: Nếu vợ cương quyết xin ly hôn thì tôi củng đồng ý ly hôn.

Lời trình bày của cháu Cao Nhật H sinh ngày 14.01.2011: Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ (mẹ L). Đây là việc tự nguyện của cháu không ai ép cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn và nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị L và anh B không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L đã xác định không còn hạnh phúc với anh B. Tại phiên tòa anh B xác định nếu vợ cương quyết ly hôn thì anh củng đồng ý ly hôn. Do đó xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B không có thiện chí hàng gắn được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[4] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Cao Nhật H, sinh ngày 14/01/2011, cháu có nguyện vọng sống với chị L và chị L củng yêu cầu được nuôi các cháu H và xác

định đủ điều kiện nuôi dạy con chung. Đối với anh B củng thống nhất cháu H có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi. Do đó chấp nhận giao cháu Cao Nhật H sinh ngày 14.01.2011 cho chị L nuôi dạy là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: Anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này và anh B phải tôn trọng quyền của cháu H được sống với chị L là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn và bị đơn điều xác định không có tài sản chung và không nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét phần tài sản chung và nợ chung.

[6] *Xét về án phí:* Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Ngọc L

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc L và anh Cao Hoàng B.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm nuôi cháu Cao Nhật H, sinh ngày 14/01/2011 . Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh B thực hiện quyền này và anh B phải tôn trọng quyền của cháu H được sống với chị L.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chịLành đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0005929 ngày 16/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND xã Lợi An;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung